

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam sửa đổi ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Ban Kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 những nội dung sau:

Phần I. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019:

1. Các hoạt động chính của Ban Kiểm soát

- Tổ chức họp 02 lần tại trụ sở công ty; thực hiện phiếu xin ý kiến 01 lần để thông qua kế hoạch hoạt động năm 2019; thực hiện các đợt kiểm tra, giám sát theo kế hoạch; thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty; thống nhất các nội dung trao đổi và báo cáo.

- Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy mời để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và đóng góp ý kiến/kiến nghị nhằm góp phần nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

- Giám sát việc chấp hành điều lệ của công ty, pháp luật của nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

- Thẩm tra Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật có liên quan.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát:

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát luôn thể hiện sự khách quan và tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

- Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong Công ty. Trong năm, Ban

Kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của Hội đồng quản trị và của Ban Tổng giám đốc.

3. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019:

- Các thành viên Ban Kiểm soát hưởng thù lao trong năm 2019 phù hợp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ theo quy định và quy chế nội bộ công ty.

Phần 2. Kết quả kiểm tra, giám sát; đề xuất, khuyến nghị

1. Đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

- Trong năm 2019 các thành viên và tập thể Hội đồng quản trị đã thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị công ty.

- Hội đồng quản trị đã họp 5 phiên và thực hiện phiếu xin ý kiến 8 lần để giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, các hoạt động đầu tư, các giải pháp phát triển thị trường;... Các cuộc họp đều diễn ra tại trụ sở công ty, số thành viên tham dự cuộc họp đều đầy đủ. Biên bản cuộc họp/Phiếu tổng hợp ý kiến được ghi nhận đầy đủ các nội dung và kết luận, có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham dự trong biên bản cuộc họp.

- Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất của tất cả các thành viên, phù hợp với Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

- Trên cơ sở giám sát của HĐQT, Tổng giám đốc đã chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong điều hành nhằm đảm bảo phát huy các nguồn lực của Công ty để nâng cao chất lượng dịch vụ. Bên cạnh việc mở rộng thị trường khu vực phía Nam, Tổng giám đốc đã tổ chức kiện toàn lại cơ cấu tổ chức, sắp xếp bố trí hợp lý đội xe container, áp dụng khoa học công nghệ, quán triệt chủ trương tiết kiệm tránh lãng phí. Ban Tổng giám đốc đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, miễn cán trong quản lý điều hành; đoàn kết, phối hợp trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, năm 2019 thị trường logistics vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn và sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp cùng ngành nên chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế không hoàn thành.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc với Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động của công ty, được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Các ý kiến đóng góp kịp thời của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành công ty đều được ghi nhận để điều chỉnh kịp thời trong quá trình ban hành các Nghị quyết, quyết định điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ pháp luật.

3. Thẩm định Báo cáo tài chính:

- Từ tháng 9 năm 2019, Công ty có sự thay đổi khi ghi nhận doanh thu hàng tạm nhập tái xuất theo biên bản thanh tra Bộ Tài chính, theo đó Công ty không còn ghi nhận trị giá hàng hóa hàng TNTX vào chỉ tiêu doanh thu mà chỉ ghi nhận phần phí dịch vụ làm thủ tục TNTX hàng hóa cho khách hàng điều này sẽ làm giảm doanh thu của Công ty tương ứng với trị giá hàng hóa hàng TNTX.

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Trong Báo cáo kiểm toán độc lập, Kiểm toán viên không nêu ý kiến ngoại trừ và cho rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2019 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Chứng từ, tài liệu của Công ty đã được phân loại; việc lưu trữ tài liệu khoa học, thuận tiện cho việc tìm kiếm/tra cứu; Công tác ghi sổ, nguyên tắc ghi nhận số liệu, hạch toán kế toán được thực hiện nhất quán, tuân thủ các quy định hiện hành; Công tác đối chiếu xác nhận công nợ đã tích cực nhưng chưa đầy đủ; Việc thu hồi công nợ còn chậm dẫn tới nợ khó đòi và phải trích lập dự phòng;

4. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018		KH 2019	TH 2019		So sánh (%)	
		Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng	TH 2018	KH 2019
1. Sản lượng	TEU	41.900		46.200	45.589		108,80%	98,68%
2. Tổng Doanh thu	Tr.đồng	1.905.208		1.200.000	920.804		48,33%	76,73%
2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đồng	1.892.994	100,00%	1.195.850	919.873	100,00%	48,59%	76,92%
<i>Trong đó: - Dịch vụ Logistics, Đường sắt</i>	Tr.đồng	156.600	8,27%		186.500	20,27%	119,09%	
<i>- Trị giá hàng TNTX</i>	Tr.đồng	1.638.775	86,57%		652.893	70,98%	39,84%	
<i>- Dịch vụ hoạt động TNTX, KNO</i>	Tr.đồng	55.356	2,92%		12.679	1,38%	22,90%	
<i>- Hoạt động của đội xe Container</i>	Tr.đồng	16.603	0,88%		19.004	2,07%	114,46%	
<i>- Dịch vụ đại lý hãng tàu, vận tải biển</i>	Tr.đồng	19.160	1,01%		18.421	2,00%	96,14%	
<i>- Khai thác bãi lợa</i>	Tr.đồng				27.810	3,02%		
<i>- Khai thác thiết bị</i>	Tr.đồng	6.500	0,34%		2.566	0,28%	39,48%	
2.2 Doanh thu tài chính	Tr.đồng	1.588		650	931		58,60%	143,20%
2.3. Thu nhập khác	Tr.đồng	10.626		3.500				
3. Tổng chi phí		1.885.450	100,00%	1.184.000	917.609	100,00%	48,67%	77,50%
3.1 Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	1.876.963	99,55%	1.174.120	910.476	99,22%	48,51%	77,55%
3.2 Chi phí tài chính	Tr.đồng	2.646	0,14%	4.500	3.440	0,37%	130,01%	76,44%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	Tr.đồng	3.841		4.500	3.226		83,99%	71,69%
3.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	5.825	0,31%	5.380	3.693	0,40%	63,40%	68,64%
3.4 Chi phí khác	Tr.đồng	16	0,00%	-	-	0,00%	0,00%	
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	19.758		16.000	3.195		16,17%	19,97%
5. EBITDA	Tr.đồng	31.986			14.702		45,96%	

(Nguồn: Số liệu theo Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán)

Đánh giá:

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện năm 2019 đạt 919.873 triệu đồng bằng 48,59% so với thực hiện cùng kỳ năm trước và bằng 76,92% kế hoạch năm.

Nếu không tính trị giá hàng hóa hàng TNTX vào doanh thu năm 2018 và 2019 thì doanh thu cung cấp các dịch vụ cốt lõi của Công ty lần lượt là 254.218 triệu đồng và 266.980 triệu đồng. Như vậy, năm 2019 tăng 12.762 triệu đồng.

Nếu năm 2019 ghi nhận đầy đủ trị giá hàng hóa hàng TNTX (*thêm 4 tháng cuối năm 2019 là 300.577 triệu đồng*) thì doanh thu về cung cấp dịch vụ của Công ty là 1.220.450 triệu đồng, tăng 24.600 triệu đồng tương đương tăng 2,05% so với kế hoạch năm.

Xét về tỷ trọng doanh thu các dịch vụ:

- + Trong năm 2018, trị giá hàng hóa hàng TNTX chiếm tỷ trọng 86,57% (do ghi nhận đầy đủ cả năm), năm 2019 chỉ chiếm 70,98% trong tổng doanh thu do chỉ ghi nhận trong 8 tháng đầu. Doanh thu dịch vụ làm thủ tục hàng TNTX vì thế cũng sụt giảm từ 55.355 triệu đồng năm 2018 xuống còn 12.679 triệu đồng năm 2019.

- + Doanh thu logistics, đường sắt năm 2019 tăng 29.900 triệu đồng so với thực hiện 2018, do đó tỷ trọng đã tăng từ 8,27% lên 20,27%.

- + Năm 2019, doanh thu hoạt động đội xe đã tăng cả giá trị và tỷ trọng so với năm 2018, từ 16.603 triệu đồng chiếm 0,88% lên 19.004 triệu đồng chiếm 2,07% trên tổng doanh thu;

- + Doanh thu đại lý hàng tàu, vận tải biển không thay đổi nhiều về giá trị, từ 19.160 triệu đồng năm 2018 xuống còn 18.421 triệu đồng năm 2019.

- + Doanh thu khai thác thiết bị giảm mạnh trong năm 2019, thực hiện chỉ đạt 2.566 triệu đồng (năm 2018 là 6.500 triệu đồng), chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu thuần cung cấp dịch vụ của Công ty.

- Giá vốn hàng bán năm 2019 là 910.476 triệu đồng, bằng 77,55% kế hoạch năm và bằng 48,51% so với thực hiện năm 2018. Tương tự như ghi nhận doanh thu, từ tháng 9/2019 giá vốn hàng bán không ghi nhận trị giá hàng hóa hàng TNTX. Nếu không tính trị giá hàng hóa hàng TNTX vào giá vốn năm 2018 và 2019 thì giá vốn cung cấp dịch vụ của Công ty lần lượt là 238.188 triệu đồng và 257.583 triệu đồng. Như vậy, năm 2019 tăng 19.395 triệu đồng.

Chi phí tài chính năm 2019 tăng 794 triệu đồng tương đương với 30,01% so với năm 2018: mặc dù chi phí lãi vay phát sinh năm 2019 ít hơn năm 2018 là 565 triệu đồng nhưng do trong năm 2018 Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư tại Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics là 1.360 triệu đồng nên tổng chi phí tài chính năm 2018 chỉ là 2.646 triệu đồng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 giảm 2.132 triệu đồng tương ứng giảm 36,60% so với năm 2018. So với kế hoạch thì giảm 1.687 triệu đồng tương ứng giảm 31,36%.

- Về hoạt động khai thác bãi 16,2 ha trong năm 2019 như sau:

Stt	Khoản mục	Đvt	Kết quả	Tỷ trọng (%)
I	Doanh thu	Tr.đ	27.810	100,00
1	Lưu bãi	Tr.đ	8.785	31,59
2	Kho	Tr.đ	384	1,38
3	Nâng hạ	Tr.đ	7.306	26,27
4	Sửa chữa	Tr.đ	1.607	5,78
5	Cắm điện, vệ sinh/đóng cont treo ...	Tr.đ	9.729	34,98
II	Chi phí	Tr.đ	36.094	100,00
1	Chi phí thuê bãi	Tr.đ	21.023	58,24
2	Chi phí Điện lưới	Tr.đ	4.368	12,10
3	Chi phí nhân công, bảo hiểm	Tr.đ	3.891	10,78
4	Chi phí làm hàng, vệ sinh, xử lý rác...	Tr.đ	3.459	9,58
5	Chi phí nhiên liệu,...	Tr.đ	1.068	2,96
6	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng...	Tr.đ	1.060	2,94
7	Chi phí bảo vệ	Tr.đ	710	1,97
8	Chi phí nước	Tr.đ	288	0,80
9	Chi phí văn phòng, khánh tiết...	Tr.đ	228	0,63
III	Lợi nhuận	Tr.đ	-8.284	

+ Doanh thu hoạt động khai thác bãi 16ha đạt 27.810 triệu đồng chiếm 3,02% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ toàn Công ty. Trong đó, hoạt động lưu bãi; hoạt động nâng hạ; hoạt động cắm điện, vệ sinh/đóng treo container tạo ra nhiều doanh thu cho hoạt động khai thác bãi 16ha và lần lượt chiếm tỷ trọng là 31,59%, 26,27% và 34,98%.

+ Chi phí khai thác bãi 16ha là 36.094 triệu đồng. Trong đó chi phí lớn nhất là chi phí thuê bãi 21.023 triệu đồng, chiếm 58,24%; tiếp theo là chi phí điện lưới 4.368 triệu đồng, chiếm 12,10%; chi phí nhân công, bảo hiểm là 3.891 triệu đồng chiếm 10,78%; chi phí làm hàng, vệ sinh, xử lý rác là 3.459 triệu đồng chiếm 9,58%; chi phí nhiên liệu là 1.068 triệu đồng, chiếm 2,96%. Ngoài ra, sau khi tiếp nhận khu kho bãi 16ha Công ty đã phải đầu tư sửa chữa và nâng cấp một số hạng mục như khu văn phòng, máy móc thiết bị, phần mềm vận hành kho bãi, sửa chữa mặt bãi ... nên phát sinh chi phí là 1.060 triệu đồng.

+ Lợi nhuận thuần hoạt động khai thác bãi lỗ 8.284 triệu đồng. Mặc dù Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã nỗ lực, cải thiện và phát triển các dịch vụ tại bãi 16ha, tuy nhiên vẫn chưa thực sự có hiệu quả và làm ảnh hưởng đến kết quả chung toàn Công ty.

- Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty:

Lợi nhuận trước thuế năm 2019 chỉ đạt 3.195 triệu đồng bằng 19,97% kế hoạch năm và bằng 16,17% so với thực hiện năm 2018. Nguyên nhân do hoạt động khai thác bãi 16ha lỗ 8.284 triệu đồng; hoạt động kinh doanh tại ICD Lào Cai đình trệ,

không có lợi nhuận và không có nguồn thu nhập khác (3.500 triệu đồng) từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh với NHO Quảng Ninh và Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật tại dự án tại khu hậu cần Cái Lân.

Nếu tách riêng hoạt động khai thác bãi và khoản thu nhập khác thì lợi nhuận từ các hoạt động dịch vụ cốt lõi của Công ty năm 2019 đạt 11.479 triệu đồng và so với năm 2018 (9.132 triệu đồng) tăng 2.347 triệu đồng.

5. Đánh giá tình hình đầu tư:

5.1. Các dự án đầu tư:

- Dự án Cảng nội địa ICD Lào Cai (giai đoạn mở rộng): năm 2019, Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng của tỉnh Lào Cai để đề xuất tính chi phí san tạo mặt bằng như ban đầu hoặc giãn tiến độ nộp tiền thành nhiều đợt. Tuy nhiên, UBND tỉnh Lào Cai không chấp thuận và yêu cầu Công ty nộp toàn bộ số tiền san tạo mặt bằng 01 lần theo quy định vào ngân sách nhà nước trước ngày 25/12/2019 (văn bản số 5878/UBND-KT ngày 12/12/2019). Với điều kiện thị trường và tình hình tài chính, Công ty sẽ tiếp tục đề xuất với các cơ quan chức năng của tỉnh Lào Cai cho phép Công ty thực hiện trên phần diện tích đất 2.038m² để đảm bảo tổng diện tích cảng cạn nội địa (ICD) Lào Cai đạt 50.000m² theo quy định mới tại NĐ số 38/2017 ngày 04/4/2017 của Chính phủ; đối với phần diện tích còn lại Công ty đề xuất được giữ lại phần quỹ đất dự phòng để Công ty đầu tư trong những năm tiếp theo.

- Dự án kho bãi logistics tại đồi Ghènh Tấu: ngày 16/4/2019 UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 1551/QĐ-UBND về việc thu hồi 36.212,8m². Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh và các cơ quan chức năng của Tỉnh để đề nghị quyết toán chi phí mà Công ty đã bỏ ra (số tiền 1.569,06 triệu đồng).

- Các dự án thành phần tại Khu dịch vụ Hậu cần cảng Cái Lân: Trong năm 2019, việc triển khai hợp tác các dự án thành phần đã tạm dừng theo chỉ đạo của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty để thực hiện rà soát việc thực hiện các hợp đồng hợp tác với NHO Quảng Ninh và Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật.

5.2. Đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

Tính đến 31/12/2019, tổng số vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác là 12.432,82 triệu đồng, trong đó góp tại Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam 6.032,82 triệu đồng chiếm 22,12 % vốn điều lệ, tại Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc 1.000,00 triệu đồng chiếm 5% vốn điều lệ và Công ty cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics 5.400,00 triệu đồng chiếm 36% vốn điều lệ (góp vốn ngày 19/11/2019).

Hoạt động kinh doanh trong năm 2019 của các công ty này như sau:

- Tại Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam:

Doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty đạt 200.154,92 triệu đồng bằng 162,37 % so với thực hiện năm 2018, lợi nhuận trước thuế đạt 23.921,42 triệu đồng bằng

193,53 % so với cùng kỳ năm trước. Tổng tài sản của Công ty tại 31/12/2019 là 69.632,49 triệu đồng tăng 16.698,86 triệu đồng so với thời điểm đầu năm, nguồn vốn chủ sở hữu tăng từ 28.828,18 triệu đồng ngày 01/01 lên 47.944,78 triệu đồng tại ngày 31/12/2019. Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2019 là 20.667,40 triệu đồng.

Đánh giá về lợi ích của cổ đông: từ năm 2018 đến hết quý 1/2020 Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam luôn tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận. Với điều kiện kinh doanh hiện tại, trong năm 2020 và các năm tiếp theo Vinalines Logistics sẽ thu được cổ tức từ doanh nghiệp nhận vốn góp này.

- Tại Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc:

Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc vẫn đang trong tình trạng tạm dừng hoạt động. Tại ngày kết thúc năm tài chính 2019, Vinalines Logistics cũng như các cổ đông khác góp vốn vào đơn vị này chưa có phương án xử lý.

- Tại Công ty cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics:

Hiện, công ty vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa phát sinh doanh thu.

6. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 142.121.300.000 đồng. Vốn góp của Tổng công ty là 80.616.200.000 đồng chiếm 56,72% vốn điều lệ.

- Cơ cấu tài sản:

Cơ cấu tài sản	Đvt	31/12/2019	01/01/2019	Chênh lệch
Tổng tài sản	Tr.đồng	267.107,01	270.487,38	(3.380,37)
- Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	146.194,11	148.050,17	(1.856,06)
- Tài sản dài hạn	Tr.đồng	120.912,90	122.437,21	(1.524,31)

Tổng tài sản của Công ty tại 31/12/2019 là 267.107,01 triệu đồng, giảm 1,25% tương đương 3.380,37 triệu đồng so với thời điểm đầu năm.

+ Tài sản ngắn hạn là 146.194,11 triệu đồng chiếm 54,73% tổng giá trị tài sản, giảm 1.856,06 triệu đồng so với ngày 01/01/2019, chủ yếu do tiền và các khoản tương đương tiền giảm 2.762,21 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác giảm 189,3 triệu đồng nhưng các khoản phải thu ngắn hạn tăng 1.095,45 triệu đồng (đặc biệt là phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 2.228,69 triệu đồng).

+ Tài sản dài hạn là 120.912,90 triệu đồng chiếm 45,27% tổng giá trị tài sản, giảm 1.524,31 triệu đồng so với ngày 01/01/2019. Trong đó, tài sản cố định giảm do khấu hao 8.297,95 triệu đồng, đầu tư tài chính dài hạn tăng 5.400,00 triệu đồng, tài sản dài hạn khác tăng 1.177,34 triệu đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn:

Cơ cấu nguồn vốn	Đvt	31/12/2019	01/01/2019	Chênh lệch
Tổng nguồn vốn	Tr.đồng	267.107,01	270.487,38	(3.380,37)
- Nợ phải trả	Tr.đồng	103.402,15	96.530,65	6.871,50
+ Nợ ngắn hạn	Tr.đồng	103.402,15	94.080,21	9.321,94
+ Nợ dài hạn	Tr.đồng		2.450,44	(2.450,44)
- Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	163.704,86	173.956,73	(10.251,87)
+ Vốn góp của chủ sở hữu	Tr.đồng	142.121,30	142.121,30	
- Vốn chủ sở hữu/ Vốn góp của chủ sở hữu	Lần	1,15	1,22	
- Hệ số nợ phải trả/tổng nguồn vốn	Lần	0,38	0,35	
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	0,63	0,55	

+ Tổng nợ phải trả tại 31/12/2019 là 103.402,15 triệu đồng (tập trung toàn bộ vào nợ ngắn hạn), bằng 38,71% tổng tài sản và bằng 63,16% vốn chủ sở hữu. Trong đó, nợ phải trả người bán là 41.703,60 triệu đồng (tăng 1.398,70 triệu đồng so với đầu năm), vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 50.801,8 triệu đồng (tăng 13.415,35 triệu đồng so với đầu năm) do công ty thực hiện vay vốn lưu động ngắn hạn phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Các hệ số nợ phải trả/tổng nguồn vốn (vốn chủ sở hữu) tại 31/12/2019 lần lượt là 0,38 lần và 0,63 lần (tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước);

+ Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2019 là 163.704,86 triệu đồng giảm 10.251,87 triệu đồng so với ngày 31/12/2018 do Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 (giảm 15.373,66 tỷ đồng) và lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2019 chỉ đạt 2.292,87 triệu đồng. Tuy nhiên, tỷ lệ vốn chủ sở hữu/vốn đầu tư của chủ sở hữu là 1,15 cho thấy vốn chủ sở hữu vẫn được bảo toàn.

+ Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh tại 31/12/2019 chỉ dương 10,54 triệu đồng (cùng kỳ năm trước là dương 43.036,36 triệu đồng) cho thấy dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh không đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty.

- Khả năng thanh toán và sinh lời của Công ty:

Chỉ tiêu	Đvt	31/12/2019	31/12/2018
Khả năng thanh toán tức thời = Tiền & tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	Lần	0,26	0,31
Khả năng thanh toán nhanh = (TSNH-HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,41	1,57
Khả năng thanh toán hiện hành= TSNH/Nợ ngắn hạn	Lần	1,41	1,57
Khả năng thanh toán tổng quát = TSNH/Nợ ngắn hạn	Lần	2,58	2,80
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh bình quân (ROA)	%	0,85	5,59
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	1,36	8,91

Nhận xét:

+ Các chỉ số khả năng thanh toán của công ty có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước. Khả năng thanh toán tức thời tiếp tục nhỏ hơn 1 cho thấy Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc thanh toán khoản nợ ngắn hạn. Khả năng thanh toán hiện hành bằng khả năng thanh toán nhanh và đều lớn hơn 1 cho thấy đặc thù của Công ty là kinh doanh dịch vụ không có hàng tồn kho và khả năng thanh toán của công ty đang ở mức an toàn.

+ Các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của công ty đều ở mức rất thấp. ROA và ROE năm 2019 đều thấp hơn nhiều so với năm 2018, cho thấy Công ty sử dụng vốn kinh doanh và vốn chủ sở hữu chưa hiệu quả.

7. Lao động, tiền lương; chế độ phúc lợi cho người lao động:

- Lao động của Công ty trong danh sách tính đến 31/12/2019 là 180 người tăng 18 người với thời điểm **31/12/2018**.

- Quỹ tiền lương của Người quản lý là 1.200 triệu đồng, bằng 80,00% kế hoạch và bằng 73,34 % so với thực hiện năm 2018.

- Quỹ tiền lương của người lao động là 11.424 triệu đồng, bằng 80% kế hoạch và bằng 87,82 % so với thực hiện năm 2018.

- Quỹ tiền lương đóng bảo hiểm 7.410,09 triệu đồng bằng 108,70% so với năm 2018. Quỹ tiền lương đóng bảo hiểm tăng lên do số lao động bình quân năm 2019 tăng 15 người so với năm 2018 và mức lương tối thiểu vùng năm 2019 theo quy định của Nhà nước tăng từ 3.980.000 đồng/tháng lên 4.180.000 đồng/tháng.

- Năm 2019, Công ty thực hiện các khoản chi mang tính chất phúc lợi cho người lao động phù hợp với Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

8. Trích lập các quỹ và chia cổ tức:

Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 phù hợp với Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (*quỹ đầu tư phát triển 2.860,17 triệu đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi 2.500 triệu đồng, quỹ thưởng người quản lý công ty 100 triệu đồng*). Ngày 20/11/2019 Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông theo tỷ lệ 7%/cổ phiếu. Lợi nhuận sau thuế năm 2018 để chia cổ tức là 9.913,49 triệu đồng.

Đến 31/12/2019, cổ tức năm 2018 còn phải trả là 1.729,75 triệu đồng (*đã trả được 8.183,74 triệu đồng*) và của các năm trước là 3.398,85 triệu đồng.

9. Về công bố thông tin:

Công ty đã thực hiện nghiêm túc về công bố thông tin như: định kỳ gửi báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm và các báo cáo hoạt động khác cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời đã đăng tải lên Website của công ty đúng theo quy định của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

10. Đề xuất, khuyến nghị:

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã đưa ra các đề xuất, khuyến nghị với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các vấn đề sau:

- Thực hiện đánh giá hoạt động của Những người được cử đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác đồng thời xem xét những nội dung kế hoạch mà Những người đại diện vốn phải báo cáo để họ có cơ sở thực hiện biểu quyết trong các cuộc họp HĐQT/TĐTV của các doanh nghiệp có vốn góp này;

- Về quản lý công nợ phải thu: Tiếp tục có những biện pháp thu hồi nợ, đối với những khoản nợ quá lâu có thể thực hiện các thủ tục để khởi kiện ra tòa án kinh tế; Giao và gắn trách nhiệm thu hồi công nợ cho từng phòng ban/cá nhân để đẩy nhanh thời gian thu hồi nợ; Định kỳ hàng quý có báo cáo tình hình quản lý nợ.

- Về sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ: việc rà soát sửa đổi và bổ sung các quy chế, quy định của Công ty còn chậm. Hiện chỉ có quy chế quản lý tài chính là đã được sửa đổi, bổ sung. Do đó, Công ty phải khẩn trương thực hiện nội dung này.

Phần 3. Kế hoạch công tác năm 2020 của Ban Kiểm soát

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua;

- Kiểm tra kết quả triệu tập họp/xin ý kiến bằng văn bản, nội dung và biên bản các cuộc họp/các lần xin ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị; Tính hợp pháp, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả của việc ban hành chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc;

- Kết quả thực hiện chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị theo kế hoạch đã được xây dựng; Kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị được phân công;

- Chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh trên các mặt: huy động vốn, đầu tư, hạch toán kế toán, thu chi tài chính;

- Thẩm định báo cáo tài chính, kiểm tra tính chính xác hợp lệ của chứng từ sổ sách kế toán. Theo dõi, giám sát công tác đầu tư, mua sắm tài sản;

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT và đóng góp ý kiến

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét thông qua.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, TGD Cty;
- Lưu: BKS

